

NGHỊ QUYẾT

Về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững
trên địa bàn huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SA THÀY KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND, ngày 04/7/2013 của HĐND tỉnh
về thông qua Quy hoạch Bảo vệ & Phát triển rừng tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 –
2020;

Căn cứ Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 của UBND tỉnh
Kon Tum về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Kon
Tum giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh
Kon Tum về phê duyệt Đề án phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững giai đoạn
2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét Tờ trình số 271/TTr-UBND ngày 01/12/2017 của UBND huyện về việc
thông qua Kế hoạch phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững trên địa bàn
huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội
HĐND huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất Kế hoạch phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững
trên địa bàn huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020, với các nội dung sau:

1. Mục tiêu chung

Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng và đất
lâm nghiệp hiện có theo mục tiêu quy hoạch và quy chế quản lý của từng loại rừng;
nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị của từng loại rừng; nâng độ che
phủ lên 63% (*chưa bao gồm cây đa mục tiêu*), đáp ứng các yêu cầu về giảm nhẹ
thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu, điều hòa nguồn
nước, bảo tồn nguồn gen và đa dạng sinh học; góp phần ổn định dân cư, phát triển
kinh tế - xã hội, quốc phòng- an ninh và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

2. Mục tiêu cụ thể

- Quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững 88.776,6 ha diện tích rừng hiện có (*rừng đặc dụng 41.139,0 ha, rừng phòng hộ 11.945,0 ha, rừng sản xuất 34.285,5 ha, rừng ngoài quy hoạch 1.407,2 ha*), nâng độ che phủ rừng lên 63% (*chưa bao gồm cây đa mục tiêu*) vào năm 2020.

- Giao khoán quản lý, bảo vệ rừng 3.454 ha (*giao mới 454 ha*); trồng mới 1.600 ha rừng trở lên, trồng 10.000 cây phân tán và 50 ha cây được liệu dưới tán rừng; nuôi dưỡng làm giàu rừng 86 ha.

- Khai thác rừng trồng 12.000 m³; khai thác lâm sản ngoài gỗ từ rừng tự nhiên (*tre, nứa, lồ ô*) 80.000 cây.

- Xây dựng từ 01 - 02 làng nghề sản xuất các sản phẩm có nguồn gốc từ lâm sản ngoài gỗ (*tre, nứa, lồ ô, bông đót,...*) tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ gắn với công tác quản lý bảo vệ rừng, sử dụng hiệu quả bền vững lâm sản ngoài gỗ và bảo vệ môi trường sinh thái.

3. Giải pháp thực hiện

Đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn quản lý, bảo vệ. Trong đó chú trọng rà soát diện tích rừng do UBND các xã, thị trấn đang quản lý, nhất là các xã có diện tích rừng manh mún, có nguy cơ xâm hại cao, các diện tích đất trồng, đồi núi trọc... để kêu gọi các tổ chức, cá nhân tham gia trồng rừng.

Tăng cường công tác phối hợp giữa lực lượng Kiểm lâm - Công an - Biên phòng và các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng.

Quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến lâm sản. Thường xuyên kiểm tra trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng của chính quyền cấp xã và chủ rừng. Kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

Thực hiện tốt, hiệu quả các chương trình, dự án trồng rừng, Nghị định 75/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Đẩy mạnh công tác trồng, chăm sóc, khoanh nuôi và phục hồi, cải tạo rừng, ưu tiên đối với rừng sản xuất, trên các diện tích đất đồi núi trọc. Phát triển mạnh việc trồng cây phân tán, nhất là các loài cây gỗ lớn quý, hiếm và một số cây được liệu dưới tán rừng.

Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia liên doanh, liên kết tham gia đầu tư trồng rừng sản xuất; trồng rừng, chăm sóc rừng theo hướng bền vững và thảm canh. Áp dụng các mô hình, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ sản xuất lâm nghiệp.

Huy động tối đa các nguồn lực tài chính và lòng ghép các nguồn vốn, chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn để thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Tăng cường quản lý chặt chẽ đất đai, xử lý nghiêm các trường hợp sang nhượng đất đai trái phép. Xây dựng phương án sử dụng hiệu quả diện tích đất nương

rẫy bô hoang để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng năng suất, giá trị trên đơn vị diện tích nhằm giảm áp lực vào rừng, hạn chế tình trạng phá, đốt rừng làm nương rẫy trái pháp luật.

Đẩy mạnh việc tuyên truyền, vận động thực hiện chủ chương phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững; tăng cường sự giám sát của người dân, cộng đồng, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

4. Kinh phí thực hiện

- Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện kế hoạch: 94.118 triệu đồng, trong đó:
 - + Ngân sách Trung ương, tỉnh: 55.738,8 triệu đồng (*bao gồm nguồn kinh phí thực hiện Nghị định 75, Quyết định 293, Quyết định 102...*).
 - + Kinh phí ngoài ngân sách (*Vốn vay, dịch vụ môi trường rừng, huy động từ các tổ chức, cá nhân,...*): 36.879,2 triệu đồng.
 - + Ngân sách huyện bình quân mỗi năm bố trí 500 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp kinh tế (*khuyến nông, khuyến lâm*) để triển khai thực hiện.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao:

- UBND huyện tổ chức thực hiện.
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Sa Thầy khóa X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 20/12/2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/12/2017./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT Huyện ủy;
- UBDN huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa X;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- Lưu: VT-LT_(D) *MV*

Chữ ký
CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Minh

